

ỦY BAN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH  
**SỞ NỘI VỤ**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 4323/SNV-CCVTLT

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 30 tháng 10 năm 2017

V/v thẩm định Danh mục  
tài liệu hết giá trị

Kính gửi: Ngân hàng nhà nước Việt Nam  
Chi nhánh Thành phố

CHI CỤC VĂN THƯ-LƯU TRỮ

Số: 1510  
Ngày: 01/11/2017

Chuyên: Theo đề nghị của Ngân hàng nhà nước Việt Nam Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh tại Công văn số 2314/HCM-HCNS ngày 09 tháng 10 năm 2017 về việc đề nghị thẩm định tài liệu hết giá trị;

Căn cứ Thông tư số 43/2011/TT-NHNN ngày 20 tháng 12 năm 2011 của Ngân hàng nhà nước Việt Nam về quy định thời hạn bảo quản hồ sơ, tài liệu trong ngành Ngân hàng;

Sở Nội vụ thống nhất với Danh mục tài liệu hết giá trị của Ngân hàng nhà nước Việt Nam Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh, gồm:

- Hồ sơ Phòng Quản lý Ngoại hối: Các loại cấp giấy phép làm dịch vụ nhận, chi, trả và đổi ngoại tệ; hồ sơ xuất, nhập khẩu ngoại tệ (sau khi hết hiệu lực), thời hạn bảo quản 10 năm, thời gian tài liệu từ năm 2001 đến năm 2006; báo cáo định kỳ, đột xuất về nghiệp vụ của đơn vị; báo cáo khiếu nại của TCTD và TCKT, thời hạn bảo quản 05 năm, thời gian tài liệu từ năm 2007 đến năm 2011.

- Hồ sơ của Phòng quản lý vàng: Báo cáo định kỳ và đột xuất của các đơn vị, thời hạn bảo quản 05 năm, thời gian tài liệu từ năm 2006 đến năm 2011; giấy phép xuất, nhập khẩu vàng, giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh vàng, giải thể, đổi quyết định của tổ chức, cá nhân (sau khi kết thúc hoạt động), thời hạn bảo quản 10 năm, thời gian tài liệu năm 1990, từ năm 1993 đến năm 1996.

- Hồ sơ của Phòng Tiền tệ - Kho quỹ: Bảng kê thu chi tiền mặt, sổ theo dõi ra vào kho tiền, Biên bản ra vào kho và Biên bản thu giữ tiền giả, thời hạn bảo quản 05 năm, thời gian tài liệu từ năm 2007 đến năm 2011.

Tổng số mét giá đề nghị hủy tương đương 13 mét (Danh mục tài liệu hết giá trị và Biên bản thẩm định Danh mục tài liệu hết giá trị ngày 26 tháng 10 năm 2017 của Chi cục Văn thư - Lưu trữ kèm theo).

Đề nghị Ngân hàng nhà nước Việt Nam Chi nhánh Thành phố tổ chức hủy tài liệu hết giá trị theo đúng quy định. / . *np*

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- Giám đốc Sở Nội vụ (để b/c);
- Lưu: VT, CCVTLT.





Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 30 tháng 10 năm 2017

**DANH MỤC TÀI LIỆU HẾT GIÁ TRỊ**

Phòng (khôi): Ngân hàng nhà nước Việt Nam Chi nhánh Thành phố

(Kèm theo Công văn số 4323 /SNV-CCVTLT ngày 30 tháng 10 năm 2017 của Sở Nội vụ)

| Bố số  | Tập số    | Tiêu đề hồ sơ của tập tài liệu   | Lý do hủy<br>(Hết thời hạn<br>bảo quản) | Ghi<br>chú |
|--|-----------|--|---|------------|
| <b>HỒ SƠ CỦA PHÒNG NGOẠI HỐI</b>   |           |  |   |            |
| <b>I/ HỒ SƠ CẤP GIẤY PHÉP ĐẠI LÝ ĐỐI NGOẠI TỆ (HẾT HIỆU LỰC)</b>                       |           |  |   |            |
| ĐLĐNT<br>(27-33)   | 01-34     | Hồ sơ cấp giấy phép đại lý đối ngoại tệ của các doanh nghiệp sau khi ngưng hoạt động từ năm 2001 đến năm 2006  |   |            |
| <b>II/ BÁO CÁO KIỂM TRA ĐẠI LÝ ĐỐI NGOẠI TỆ HÀNG THÁNG CỦA TCTD</b>                    |           |  |   |            |
| BC KT<br>ĐLĐNT<br>(01-04)  |           | Báo cáo định kỳ, đột xuất về nghiệp vụ của đơn vị (kiểm tra đại lý đối ngoại tệ) năm 2010 và 2011  |   |            |
| <b>III/ BÁO CÁO TÌNH HÌNH THỰC HIỆN THANH TOÁN VỚI LÀO VÀ CAMPUCHIA CỦA TCTD</b>       |           |  |   |            |
| BCKH (01-2011)   |           | Báo cáo định kỳ, đột xuất về nghiệp vụ của đơn vị (tình hình thực hiện thanh toán với Lào và Campuchia của TCTD) năm 2011  |   |            |
| <b>IV/ BÁO CÁO KIỀU HỒI CỦA TCTD VÀ TCKT</b>   |           |  |   |            |
| BCKH (01-10)   |           | Báo cáo kiếu hồi của TCTD và TCKT từ 2002 đến 2007, 2009-2011; báo cáo đại lý chi trả ngoại tệ năm 2009 -2011  |   |            |
| <b>V/ BÁO CÁO ĐẦU TƯ RA NƯỚC NGOÀI</b>   |           |  |   |            |
| BCĐTRNN<br>(01/2009-03/2011)   | 01-03     | Báo cáo định kỳ, đột xuất về nghiệp vụ của nhà đầu tư (đầu tư ra nước ngoài) của nhà đầu tư năm 2009-2011  |   |            |
| <b>VI/ BÁO CÁO VAY TRẢ NỢ NƯỚC NGOÀI CỦA DOANH NGHIỆP</b>                              |           |  |   |            |
| BCVTNNNT<br>DH(01/2008-02/2011)  | 01        | Báo cáo định kỳ, đột xuất về nghiệp vụ (tình hình vay trả nợ nước ngoài trung dài hạn của doanh nghiệp) năm 2008-2011  |   |            |
| 384-385  | 1155-1159 | Báo cáo vay, trả nợ nước ngoài của các doanh nghiệp trong Khu chế xuất năm 1998-2002   |   |            |
| <b>VII/ HỒ SƠ XUẤT NHẬP KHẨU NGOẠI TỆ TIỀN MẶT CỦA TCTD</b>                            |           |  |   |            |
| 515-530  | 1656-1700 | Hồ sơ cấp giấy phép xuất, nhập khẩu ngoại tệ tiền mặt của các Tổ chức tín dụng (sau khi kết thúc hoạt động) 2005-2006  |   |            |
| <b>VIII/ BÁO CÁO ĐỊNH KỲ (các đối tượng thuộc phạm vi quản lý và của Chi nhánh TP)</b> |           |  |   |            |
| 542-543  | 1741-1747 | Báo cáo định kỳ, đột xuất về nghiệp vụ (tập báo cáo tháng, quý năm 2001 của NHNNVN TPHCM về tình hình cấp phép cho cá nhân mua, chuyển, mang ngoại tệ ra nước ngoài, thu chi ngoại tệ mặt) |   |            |
| <b>HỒ SƠ CỦA PHÒNG QUẢN LÝ VÀNG (1990-2011)</b>  |           |  |   |            |
| 1/2  | 01-13     | Báo cáo định kỳ, đột xuất về nghiệp vụ (hoạt động kinh doanh vàng, tạm nhập tái xuất, XNK của TCTD và doanh nghiệp) năm 2006-2011  |   |            |
| 413  | 1221      | Giấy phép xuất nhập khẩu năm 1993  |   |            |
|  | 1222      | Giấy phép xuất nhập khẩu của Vụ QLNH năm 1994  |   |            |
|  |           | <b>Hồ sơ thẩm định cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh vàng (sau khi kết thúc hoạt động)</b>   |   |            |

|  |           |   |  |
|--|-----------|---|--|
| 415  | 1228-1255 | Hồ sơ thẩm định cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh vàng của các doanh nghiệp kinh doanh vàng Quận 1 năm 1996   |  |
| 423-424  | 1267      | Hồ sơ trễ hạn đăng ký kinh doanh của các doanh nghiệp tư nhân kinh doanh vàng năm 1996                                  |  |
|  | 1268      | Hồ sơ các DNTN kinh doanh vàng ngưng kinh doanh năm 1993  |  |
|  | 1269      | Hồ sơ giải thể các DNTN kinh doanh vàng năm 1996  |  |
|  | 1271-1275 | Hồ sơ DNTN kinh doanh vàng chưa đổi GCN đủ điều kiện kinh doanh vàng năm 1993-1995                                      |  |
|  | 1277      | Biên bản kiểm tra các DNTN kinh doanh vàng năm 1995   |  |
| 425  | 1282-1284 | Hồ sơ thẩm định cấp GCN đủ điều kiện kinh doanh vàng của các doanh nghiệp kinh doanh vàng Quận 2                        |  |
|  | 1285-1302 | Hồ sơ thẩm định cấp GCN đủ điều kiện kinh doanh vàng của các doanh nghiệp kinh doanh vàng Quận 3 năm 1996               |  |
| 431  | 1307-1358 | Hồ sơ các DNTN chưa đổi quyết định cấp phép kinh doanh vàng năm 1994, 1996  |  |
| 443  | 1359-1363 | Hồ sơ thẩm định cấp GCN đủ điều kiện kinh doanh vàng của các doanh nghiệp kinh doanh vàng Quận 6 năm 1996               |  |
| 447  | 1379-1382 | Hồ sơ thẩm định cấp GCN đủ điều kiện kinh doanh vàng của các doanh nghiệp kinh doanh vàng Quận 7 năm 1996               |  |
| 448  | 1383-1392 | Hồ sơ thẩm định cấp GCN đủ điều kiện kinh doanh vàng của các doanh nghiệp kinh doanh vàng Quận 8 năm 1996               |  |
| 452  | 1402-1406 | Hồ sơ thẩm định cấp GCN đủ điều kiện kinh doanh vàng của các doanh nghiệp kinh doanh vàng 9 (Quận Thủ Đức) năm 1996     |  |
|  | 1406      | Hồ sơ giải thể DNTN kinh doanh vàng Hiệu Ngôn năm 1994  |  |
| 453  | 1407-1410 | Hồ sơ thẩm định cấp GCN đủ điều kiện kinh doanh vàng của các doanh nghiệp kinh doanh vàng Quận 10 năm 1996              |  |
| 456  | 1420-1428 | Hồ sơ thẩm định cấp GCN đủ điều kiện kinh doanh vàng của các doanh nghiệp kinh doanh vàng Quận 11 năm 1996              |  |
| 460  | 1438-1453 | Hồ sơ thẩm định cấp GCN đủ điều kiện kinh doanh vàng của các doanh nghiệp kinh doanh vàng quận Bình Thạnh năm 1996      |  |
| 466  | 1470-1479 | Hồ sơ thẩm định cấp GCN đủ điều kiện kinh doanh vàng của các doanh nghiệp kinh doanh vàng quận Gò Vấp năm 1996          |  |
| 469  | 1486-1497 | Hồ sơ thẩm định cấp GCN đủ điều kiện kinh doanh vàng của các doanh nghiệp kinh doanh vàng quận Phú Nhuận năm 1994, 1996 |  |
|  | 1498-1510 | Hồ sơ thẩm định cấp GCN đủ điều kiện kinh doanh vàng của các doanh nghiệp kinh doanh vàng quận Tân Bình năm 1996        |  |
| 478  | 1529-1533 | Hồ sơ thẩm định cấp GCN đủ điều kiện kinh doanh vàng của các doanh nghiệp kinh doanh vàng quận Thủ Đức năm 1996         |  |
| 480  | 1540-1544 | Hồ sơ thẩm định cấp GCN đủ điều kiện kinh doanh vàng của các doanh nghiệp kinh doanh vàng huyện Bình Chánh năm 1996     |  |
| 482-487  | 1555-1578 | Hồ sơ thẩm định cấp GCN đủ điều kiện kinh doanh vàng của các doanh nghiệp kinh doanh vàng huyện Củ Chi năm 1995, 1996   |  |
| 488  | 1582      | Hồ sơ Xí nghiệp công mỹ nghệ XK Hoa Sen   |  |
|  | 1583      | Hồ sơ xin phép thành lập doanh nghiệp, cấp phép kinh doanh vàng ở các quận huyện  |  |
| <b>HỒ SƠ CỦA PHÒNG TIỀN TỶ - KHO QUỸ (2007-2011)</b> |           |   |  |
| 1-20   | 1 - 415   | Bảng kê thu chi NHTM năm 2010-2011  |  |
| 1-4  | 1-29      | Sổ theo dõi ra vào kho tiền năm 2009-2011   |  |
|  |           | Biên bản mở, giao nhận hộp chìa khóa dự phòng năm 2010  |  |
| 1-8  | 1-8       | Biên bản thu giữ tiền giả NHTM năm 2007-2008  |  |